

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – A phúc**

Bản án số: 54/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 30-3-2026.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đoàn Văn Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Khắc Quế;

Bà Phạm Thị Tư.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Phạm Thùy Lương - Là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* ông Phạm Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm: 1982; địa chỉ: 80A Phạm Ngọc T, phường 1 Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: ông Mai Út B, sinh năm: 1977; địa chỉ: 80A Phạm Ngọc T, phường 1 Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Bà A có mặt, ông B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ A thì:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông B kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu A, huyện HB, tỉnh BL (nay là xã VH, tỉnh Cà M). Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng

sống tại ấp 17, xã Vĩnh Hậu A, huyện HB, tỉnh BL (nay là xã Vĩnh H, tỉnh Cà M). Đến năm 2013 thì vợ chồng chuyển về số 80A Phạm Ngọc T, phường 1 Bảo L, tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, A phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, có những bất đồng về quan điểm, lối sống, ông B ham chơi, không lo cho gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không còn ăn uống chung, mỗi người ở một phòng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, mạnh ai người đó sống. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông B, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Mai Út B.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Mai Thị Kim Y, sinh ngày 18/4/2001 (đã trưởng thành phát triển bình thường) và cháu Mai Y Z, sinh ngày 26/10/2008, hiện cháu Z đang ở với ba mẹ. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Z cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông B nhưng ông B không đến Tòa làm việc nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà A yêu cầu được ly hôn ông B; yêu cầu được nuôi con chung là cháu Mai Y Z, sinh ngày 26/10/2008 cho đến khi con đủ tuổi thành niên, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ông B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: xét mâu thuẫn giữa bà A và ông B có xảy ra và thực tế đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết ly

hôn. Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, trình bày ý kiến, tham gia phiên tòa là thể hiện thái độ bỏ mặc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A, cho bà A và ông B được ly hôn.

Về con chung: giữa bà A và ông B có hai con chung là Mai Thị Kim Y, sinh ngày 18/4/2001 (đã trưởng thành phát triển bình thường) và cháu Mai Y Z, sinh ngày 26/10/2008. Con chung tên Mai Thị Kim Y, sinh ngày 18/4/2001, đã trưởng thành phát triển bình thường nên không đề cập. Ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Z cho đến khi cháu Z đủ tuổi thành niên, cháu Z cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Z cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Z đủ tuổi thành niên. Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: buộc bà A phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của bà A yêu cầu được ly hôn với ông B; yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: ông B vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà A và ông B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Theo bà A thì cuộc sống vợ chồng hòa thuận, A phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, có những bất đồng về quan điểm, lối sống, ông B ham chơi, không lo cho gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Hiện tại vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng đã ly thân, mạnh

ai người đó sống. Nay bà A xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông B nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

Tòa án triệu tập hợp lệ ông B nhiều lần nhưng ông B không đến Tòa làm việc, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng là thể hiện thái độ bỏ mặc. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà A, cho bà A và ông B được ly hôn.

[4] Về con chung: giữa bà A và ông B có hai con chung là Mai Thị Kim Y, sinh ngày 18/4/2001 và cháu Mai Y Z, sinh ngày 26/10/2008. Con chung là Mai Thị Kim Y, sinh ngày 18/4/2001 đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không đề cập. Ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Z cho đến khi cháu Z đủ tuổi thành niên. Cháu Z cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Z, cần giao cháu Z cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Z đủ tuổi thành niên. Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6 Về án phí: buộc bà A phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, các Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị Mỹ A và ông Mai Út B ly hôn.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Mai Y Z, sinh ngày 26/10/2008 cho bà Nguyễn Thị Mỹ A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của

cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001646 ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

4. Về quyền kháng cáo: trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà A được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm; riêng ông B vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 4 - Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Vĩnh H, tỉnh Cà M (xã Vĩnh H A, huyện HB, tỉnh Bạc L cũ);
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tư – Vũ Khắc Quế

Đoàn Văn Chiến